TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NINH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hương.
2. Bà Hứa Thị Mây Sum.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Lương Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, về việc:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Châu N, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Xóm 3, thôn Th, xã G, huyện S, tỉnh Bình Định *(Có mặt)*.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thôn L, xã Ph, huyện T, tỉnh Ninh Thuận *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/02/2018, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Châu N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 89/2011 ngày 26/7/2011 của Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi lấy nhau vợ chồng chị sống tại thôn L, xã Ph, huyện T. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chăm lo xây dựng kinh tế gia đình, làm có thu nhập là chơi bời, cờ bạc và chị cũng có khuyên nhũ nhưng anh T không nghe mà còn nhiều lần đánh đập chị. Từ năm 2015 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể hàn gắn về lại sống chung với nhau được nữa và

mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng. Nay chị vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T và không thay đổi ý kiến.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 01/01/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không quan tâm đến con và bản thân chị thấy mình đủ điều kiện nuôi con nên chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt qúa trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn T, nhưng anh T vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình không đến Tòa án.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị Châu N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3]. Nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Châu N và anh Nguyễn Văn T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- *Về tình trạng hôn nhân:* Tại phiên tòa chị Bùi Thị Châu N kiên quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và hiện nay không còn sống chung. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân, biên bản làm việc tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị N và anh T cư trú cho thấy: "Quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh T thường xuyên cãi vã nhau do anh T chơi bời, bài bạc không có trách nhiệm với vợ con và hay đánh đập chị N dẫn đến mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được. Tình cảm của chị N và anh T hiện nay không còn, mạnh ai nấy sống từ năm 2015 cho đến nay". Đồng thời trong suốt qúa trình giải

quyết vụ án, Tòa án cũng đã đến nhà anh T để tống đạt các thủ tục cho anh T nhưng anh T không có ở nhà nên Tòa án đã làm thủ tục niêm yết tại nhà anh T, UBND xã nơi anh T cư trú và Tòa án nhưng anh T không tới Tòa án để giải quyết và anh T cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Như vậy, Tòa án đã thực hiện đúng thủ tục tống đạt cho anh T nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Điều này thể hiện anh T không có thiện chí đoàn tụ gia đình, không tha thiết bảo vệ hạnh phúc gia đình. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị Bùi Thị Châu N và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 01/01/2012. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay, chị N là người đang trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc giao 01 con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về án phí:* Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 thì chị Bùi Thị Châu N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Châu N được ly hôn anh Nguyễn Văn T; chị N được quyền nuôi 01 con chung tên Nguyễn Trung K; chị N phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 195, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Châu N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 01/01/2012 cho chị Bùi Thị Châu N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Châu N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* mà chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011112 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Tiến